

Số: 44/NQ-HĐND

Cát Hải, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2023

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI
KHOÁ XI KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 05/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Sau khi xem xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 25/11/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Xã hội Hội đồng nhân dân huyện, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu ngân sách địa phương năm 2023 (có biểu chi tiết kèm theo), như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước:	610.659 triệu đồng
- Thu ngân sách địa phương:	332.260 triệu đồng
- Thu bổ sung cân đối ngân sách:	278.399 triệu đồng
2. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương:	453.809 triệu đồng
- Thu ngân sách huyện:	390.378 triệu đồng
- Thu ngân sách xã:	63.431 triệu đồng

Điều 2. Quyết định dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023

1. Dự toán chi ngân sách:	453.809 triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	147.402 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	300.105 triệu đồng
- Dự phòng ngân sách:	6.302 triệu đồng
2. Tổng dự toán chi ngân sách huyện, xã:	453.809 triệu đồng
- Chi ngân sách huyện:	390.378 triệu đồng
- Chi ngân sách xã:	63.431 triệu đồng

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải có trách nhiệm chỉ đạo, điều hành dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2023 theo đúng quy định tại Nghị quyết;

Trường hợp trong năm ngân sách 2023 nếu có phát sinh nguồn thu từ bổ sung cân đối ngân sách cấp trên hoặc tăng, giảm nhiệm vụ chi thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 191/UBTVQH14-CTĐB ngày 19/10/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải khoá XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/12/2022./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XI;
- VP: Huyện ủy, HĐND và UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Phạm Quang Hiến

Biểu số 01

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số. 44 /NQ-HĐND), ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự kiến năm 2023		
		Dự toán thành phố giao		Dự toán HĐND huyện giao
		NSNN	Số thu điều tiết và bổ sung cân đối	
A	B	19	20	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	566.999	453.809	332.260
I	Thu NSNN trên địa bàn	288.600	175.410	332.260
*	Thu NSNN trên địa bàn loại trừ tiền xổ số	287.200	175.410	330.860
*	Thu NSNN trên địa bàn loại trừ tiền đất, xổ số	212.200	160.410	245.860
1	Thu từ khu vực DNNN nước do Trung ương QL	500		500
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	1.000		1.000
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài			
4	Thuế ngoài quốc doanh	56.000	46.160	65.000
5	Thuế sử dụng đất phi NN	300	300	300
6	Thu tiền thuê đất	10.000	10.000	10.000
7	Thu tiền sử dụng đất	75.000	15.000	85.000
8	Lệ phí trước bạ	20.000	20.000	20.000
9	Thuế thu nhập cá nhân	22.000		37.000
10	Phí, lệ phí	93.400	79.390	103.060
11	Thuế BVTN môi trường			
12	Thu cấp quyền khai thác KS	3.300		3.300
13	Thu khác NS, thu hoa lợi công sản	5.700	4.560	5.700
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.400		1.400
II	NSTP BỔ SUNG CÂN ĐỐI	278.399	278.399	
1	Thu bổ sung mục tiêu	132.402	132.402	
2	Thu Bổ sung cân đối	145.997	145.997	
III	THU CHUYỂN NGUỒN			
IV	THU KẾT DƯ			
V	THU HUY ĐỘNG Đ/GÓP THEO QUY ĐỊNH CỦA PL (nếu có)			
1	Các khoản huy động theo quy định của PL			
2	Các khoản đóng góp tự nguyện			

Biểu số 02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 44/NQ-HĐNL, ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng chi Huyện, xã năm 2023	Ghi chú
A	B	11=1+6	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	453 809	
I	Chi đầu tư	147 402	
II	Chi thường xuyên	300 105	
1	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	112 378	
a	Chi sự nghiệp giáo dục	109 722	
b	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	2 656	
2	Chi ứng dụng khoa học công nghệ	0	
3	Sự nghiệp an ninh, quốc phòng	7 342	
a	Nhiệm vụ an ninh	2 411	
b	Nhiệm vụ quốc phòng	4 931	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	23 209	
5	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	6 965	
6	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	1 268	
7	Chi thể dục - thể thao	1 489	
8	Chi bảo vệ môi trường	13 280	
9	Chi sự nghiệp kinh tế	27 157	
a	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	5 672	
b	Sự nghiệp giao thông, thị chính	18 985	
c	Chi sự nghiệp kinh tế khác (nếu có)	2 500	
10	Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể, HĐND	87 478	
a	Quản lý hành chính (UBND)	59 218	
b	Đảng	14 131	
c	Hội đồng nhân dân	6 935	
d	Đoàn thể	7 195	
11	Chi đảm bảo xã hội	18 056	
a	Nghị vụ theo ĐM + Khen thưởng	708	
b	Nhiệm vụ đặc thù (nếu có)	1 001	
c	Chế độ, chính sách an sinh xã hội	13 934	
d	Hưu xã	1 997	
e	Quà người cao tuổi	416	
12	Chi thường xuyên khác	1 485	
IV	Dự phòng ngân sách	6 302	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 44 /NQ HĐND, ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải)

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		Ghi chú
		Thành phố giao	HĐND huyện giao	
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	566.999	332.260	
	Thu NSDP trên địa bàn	288.600	332.260	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	287.200	330.860	
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	287.200	330.860	
	Hưởng theo tỷ lệ điều tiết	172.200	205.860	
	Thu NSDP được hưởng 100%	115.000	125.000	
2	Thu bổ sung ngân sách cấp trên	278.399		
	Bổ sung cân đối ngân sách	132.402		
	Bổ sung có mục tiêu	145.997		
II	Thu số số	1.400	1.400	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	453.809		
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	453.809		
1	Chi đầu tư phát triển	147.402		
2	Chi thường xuyên	300.105		
3	Chi dự phòng ngân sách	6.302		

Biểu số 04

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 44/NQ-HĐND, ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Đơn vị	Chi ngân sách huyện	Chi ngân sách xã	Tổng chi huyện, xã	Ghi chú
A	B	1	2	3=1+2	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	390 378	63 431	453 809	
I	Chi đầu tư	147 402		147 402	
II	Chi thường xuyên	237 918	62 187	300 105	
1	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	111 910	468	112 378	
a	Chi sự nghiệp giáo dục	109 254	468	109 722	
b	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	2 656		2 656	
2	Chi ứng dụng khoa học công nghệ				
3	Sự nghiệp an ninh, quốc phòng	3 450	3 891	7 342	
a	Nhiệm vụ an ninh	1 146	1 265	2 411	
b	Nhiệm vụ quốc phòng	2 304	2 627	4 931	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	22 741	468	23 209	
5	Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin	5 141	1 824	6 965	
6	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	800	468	1 268	
7	Chi thể dục - thể thao	1 021	468	1 489	
8	Chi bảo vệ môi trường	11 000	2 280	13 280	
9	Chi sự nghiệp kinh tế	25 283	1 874	27 157	
a	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	4 838	834	5 672	
b	Sự nghiệp giao thông, thị chính	17 945	1 040	18 985	
c	Chi sự nghiệp kinh tế khác (nếu có)	2 500		2 500	
10	Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể, HĐND	40 463	47 015	87 478	
a	Quản lý hành chính (UBND)	21 151	38 067	59 218	
b	Đảng	12 167	1 964	14 131	
c	Hội đồng nhân dân	1 760	5 175	6 935	
d	Đoàn thể	5 385	1 810	7 195	
11	Chi đảm bảo xã hội	14 934	3 121	18 056	
a	Nghị vụ theo ĐM + Khen thưởng		708	708	
b	Nhiệm vụ đặc thù (nếu có)	1 001		1 001	
c	Chế độ, chính sách an sinh xã hội	13 934		13 934	
d	Hưu xã		1 997	1 997	
e	Quà người cao tuổi		416	416	
12	Chi thường xuyên khác	1 176	309	1 485	
III	Dự phòng ngân sách	5 058	1 244	6 302	

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CÁC PHÒNG BAN VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 44 /NQ-HĐND, ngày 16/12/2022
của Hội đồng nhân dân huyện Cát Hải)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đơn vị	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	172.927	
1	Huyện ủy	11.842	
2	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	923	
3	Ban Chấp hành Huyện đoàn	723	
4	Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ	621	
5	Ban Chấp hành Hội Nông dân	796	
6	Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh	622	
7	Văn phòng HĐND và UBND huyện	12.422	
8	Phòng Tài chính-Kế hoạch	1.534	
9	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2.855	
10	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	8.040	
11	Phòng Tài nguyên và Môi trường	6.755	
12	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.470	
13	Phòng Nội vụ, Lao động-Thương binh và Xã hội	18.951	
14	Thanh tra huyện	830	
15	Phòng Tư pháp	797	
16	Trường Mầm non Sơn Ca	5.158	
17	Trường Mầm non 3/2	4.651	
18	Trường Mầm non Trân Châu	2.820	
19	Trường Mầm non Xuân Đám	1.457	
20	Trường Mầm non Phù Long	1.537	
21	Trường MN Thị trấn Cát Hải	5.161	
22	Trường Mầm non Sao Mai	2.248	
23	Trường Mầm non Đồng Bài	1.578	
24	Trường Mầm non Văn Phong	2.163	
25	Trường Mầm non Hoàng Châu	1.727	
26	Trường TH&THCS Hà Sen	5.719	
27	Trường TH&THCS Xuân Đám	3.833	
28	Trường TH&THCS Hiền Hào	3.459	
29	Trường TH&THCS Gia Luận	2.909	
30	Trường TH&THCS Phù Long	4.705	
31	Trường TH&THCS Văn Phong	3.279	
32	Trường TH&THCS Hoàng Châu	2.910	
33	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ	6.638	
34	Trường THCS Cát Bà	6.693	
35	Trường THCS Cát Hải	4.329	
36	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	7.109	
37	Trường TH Chu Văn An	4.624	
38	Trường TH Đoàn Đức Thái	3.479	
39	Trường TH Việt Hải	1.629	
40	Trung tâm Chính trị huyện	981	
41	Trung tâm GDNN-GDTX	2.309	
42	Trung tâm VH-TT và Thể thao	5.558	
43	Trung tâm Dân số-Kế hoạch hóa gia đình	1.634	
44	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	1.936	
45	Công an huyện	1.146	
46	Đồn Biên phòng Cát Bà	184	
47	Đồn Biên phòng Cát Hải	184	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Chi tiết				Giao chỉ tiêu thu từ hoạt động xổ số
		Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	Phí, lệ phí	Thu khác ngân sách	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2+3+4</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
	TỔNG SỐ	1.122,6	167,1	345,0	610,5	6.910
1	Thị trấn Cát Bà	338	150	83	105	3.800
2	Xã Trân Châu	43,3	5,3	25	13	360
3	Xã Xuân Đám	28,4	3,4	20	5	250
4	Xã Hiền Hào	41,4	1,4	4	36	180
5	Xã Gia Luận	238,65	0,15	98	140,5	250
6	Xã Việt Hải	115		2	113	10
7	Xã Phù Long	46,5	1,5	18	27	200
8	Thị trấn Cát Hải	195	5	40	150	1.050
9	Xã Đồng Bài	9		9		50
10	Xã Văn Phong	30		20	10	350
11	Xã Hoàng Châu	14,35	0,35	7	7	50
12	Xã Nghĩa Lộ	23		19	4	360

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỔ BỔ SUNG
TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN CHO NGÂN SÁCH XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp (bao gồm cả tiền đất	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Số bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia				
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng			
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	1.122,60	1.122,60	1.122,60		1.122,60	62.308,4	0	63.431
1	Thị trấn Cát Bà	338	338	338		338	7.667,96		8.005,96
2	Xã Trân Châu	43,3	43,3	43,3		43,3	5.173,36		5.216,66
3	Xã Xuân Đám	28,4	28,4	28,4		28,4	6.022.077		6.050,477
4	Xã Hiền Hào	41,4	41,4	41,4		41,4	4.593,09		4.634,49
5	Xã Gia Luận	238,65	238,65	238,65		238,65	5.372,38		5.611,03
6	Xã Việt Hải	115	115	115		115	3.881,89		3.996,89
7	Xã Phù Long	46,5	46,5	46,5		46,5	6.533,198		6.579,698
8	Thị trấn Cát Hải	195	195	195		195	6.061,705		6.256,705
9	Xã Đồng Bài	9	9	9		9	4.254,96		4.263,96
10	Xã Văn Phong	30	30	30		30	4.420,06		4.450,06
11	Xã Hoàng Châu	14,35	14,35	14,35		14,35	3.830,58		3.844,93
12	Xã Nghĩa Lộ	23	23	23		23	4.497,14		4.520,14

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Đơn vị	Thị trấn Cát Bà	Trần Châu	Xuân Đám	Hiền Hào	Gia Lục	Việt Hải	Phù Long	Thị trấn Cát Hải	Đồng Bại	Vân Phong	Hoàng Châu	Nghĩa Lộ	Tổng số
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CHI	8.005,96	5.216,66	6.050,477	4.634,49	5.611,03	3.996,89	6.579,698	6.256,705	4.263,96	4.450,06	3.844,93	4.520,14	63.431
I	Chi đầu tư													
1	Nguồn tiền đất được điều tiết													
2	Kinh phí BTGPMT và ĐTCSHT													
II	Chi thường xuyên	7.850,96	5.116,66	5.935,477	4.539,49	5.482,03	3.916,89	6.459,698	6.131,705	4.183,96	4.365,06	3.769,93	4.435,14	62.187
1	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	70,00	38,00	40,00	25,00	25,00	25,00	40,00	60,00	35,00	35,00	35,00	40,00	468
a	Chi sự nghiệp giáo dục	70,00	38,00	40,00	25,00	25,00	25,00	40,00	60,00	35,00	35,00	35,00	40,00	468
b	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề													
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ													
3	Quốc phòng, an ninh và TTATXH	600,63	344,80	327,76	253,30	277,00	284,47	340,01	349,24	265,53	290,52	275,13	283,44	3.891,83
a	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	184	110	98	92	73	92	102	122	96	98	100	98	1.265
b	Chi quốc phòng	416,63	234,80	229,76	161,30	204,00	192,47	238,01	227,24	169,53	192,52	175,13	185,44	2.626,83
4	Chi y tế, dân số và gia đình	65	40	40	30	30	30	45	53	30	30	30	45	468
5	Chi văn hóa - thông tin	77	465	232	77	82	80	305	355	32	32	55	32	1.824
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	25	28	15	215	75	15	20	22	12	12	12	17	468
7	Chi thể dục - thể thao	60	60	38	35	20	20	50	30	30	50	40	35	468
8	Chi bảo vệ môi trường	464,1	92,0	58,2	92,1	50,1	140,7	94,0	580,465	256,7	89,4	52,6	309,2	2.279,565
9	Chi sự nghiệp kinh tế	131,1	126,1	176,1	171,1	173,1	131,1	141,1	162,9	127,9	147,9	152,9	232,9	1.874,2
a	Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	58,2	48,2	58,2	93,2	123,1	58,2	58,2	52,9	45	55	55	55	760,2
b	Sự nghiệp giao thông, thị chính	72,9	77,9	117,9	77,9	50,0	72,9	82,9	110,0	82,9	92,9	97,9	177,9	1.114
c	Chi sự nghiệp kinh tế khác (nếu có)													
10	Chi QLHC, Đảng, Đoàn thể, HĐND	5.793,84	3.633,48	4.792,777	3.410,72	4.548,32	3.018,87	5.196,848	4.148,70	3.042,52	3.366,86	2.931,74	3.130,73	47.015,405
11	Chi đảm bảo xã hội	524,29	264,28	185,64	208,27	179,51	149,75	197,74	340,40	329,31	288,38	165,56	287,87	3.121
12	Chi thường xuyên khác	40	25	30	22	22	22	30	30	23	23	20	22	309
III	Dự phòng ngân sách	155	100	115	95	129	80	120	125	80	85	75	85	1.244
	TIẾT KIỆM CHI THƯỜNG XUYỀN	258,44	133,32	117,44	176,30	121,88	110,83	135,37	207,35	156,83	126,98	120,83	187,73	1.853,3

CHI TIẾT DỰ TOÁN CÁC KHOẢN THU HỌC PHÍ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên trường	Số thu	Ghi chú
A	B	I	2
	TỔNG SỐ	1.766	
1	Mầm non Sơn Ca	166	
2	Mầm non 3/2	160	
3	Mầm non Trân Châu	55	
4	Mầm non Xuân Đám	16	
5	Mầm non Phù Long	58	
6	Mầm non thị trấn Cát Hải	133	
7	Mầm non Đồng Bài	28	
8	Mầm non Văn Phong	48	
9	Mầm non Sao Mai	62	
10	Mầm non Hoàng Châu	46	
11	Tiểu học Việt Hải (Cơ sở mầm non)	5	
12	TH&THCS Gia Luận	33	
	Mầm non	17	
	THCS	16	
13	Mầm non Hiền Hào	15	
	Mầm non	5	
	THCS	10	
14	TH&THCS Xuân Đám	28	
15	TH&THCS Phù Long	59	
16	TH&THCS Hà Sen	63	
17	TH&THCS Văn Phong	70	
18	TH&THCS Nghĩa Lộ	74	
19	TH&THCS Hoàng Châu	55	
20	THCS thị trấn Cát Hải	176	
21	THCS thị trấn Cát Bà	416	